

ascott

Buồng kiểm tra ăn mòn và các phụ kiện



25

năm lịch sử
phát triển

testing corrosion resistance to the limit

ascott

Testing corrosion
resistance to the limit



Trong hơn 25 năm phát triển, Ascott luôn đi đầu trong việc thiết kế, sản xuất và cung cấp các buồng kiểm tra ăn mòn chất lượng cao và tiên tiến nhất. Trong suốt quãng thời gian phát triển của hãng, chúng tôi đã cung cấp sản phẩm tới nhiều khách hàng nổi tiếng trên thế giới, thông qua đó, chúng tôi đã tạo dựng được tên tuổi và thương hiệu mang tính quốc tế cũng như nhận được sự tin tưởng từ khách hàng.

Buồng phun muối kiểm tra ăn mòn

Phun muối (hay còn gọi là mù muối hoặc sương muối) hiện đang là sự lựa chọn hàng đầu trong việc kiểm tra ăn mòn nhằm so sánh chất lượng của sản phẩm thực tế so với mong muốn nhờ sự phù hợp với các tiêu chuẩn kiểm tra quốc tế hiện hành. Qua đó, phun muối trở thành loại hình kiểm tra ăn mòn chất lượng phổ biến nhất hiện nay.

Buồng kiểm tra ăn mòn theo chu trình (CCT)

CCT là một thiết bị kết hợp giữa phun muối thông thường với việc kiểm soát các điều kiện khí hậu cũng như nhiệt độ và độ ẩm nhằm nhanh chóng tạo ra môi trường như điều kiện sống thông thường dựa trên yêu cầu của người sử dụng. Qua đó, CCT phù hợp trong việc dự đoán tuổi thọ của sản phẩm.

Buồng kiểm tra ăn mòn Atmosfär

Dựa theo thiết kế của buồng CCT, buồng Atmosfar được bổ sung thêm các tính năng cho phép kiểm tra các loại ô tô Ford và Volvo. Đáng chú ý nhất trong các tính năng này phải kể tới các rãnh phun muối từ trên cao, làm khô không khí theo chiều dọc và khử ẩm lạnh.

Tự do lựa chọn màu nắp đậy

Người sử dụng có thể tùy chọn màu nắp cho các buồng Ascott mà không mất phí. Các màu tiêu chuẩn như mô tả dưới đây. Màu sắc chỉ mang tính hình thức.



Buồng phun muối kiểm tra ăn mòn

Buồng phun muối kiểm tra ăn mòn Ascott gồm 2 loại model chính: *Standard* & *Premium*.

Model *Standard* được thiết kế cho kiểm tra phun muối thông thường liên tục và chỉ có thể điều chỉnh nhiệt độ trong buồng theo các tiêu chuẩn ASTM B117, ISO 9227, JIS Z 2371 ... Các buồng này có thể dùng được dung dịch muối trung tính pH (NSS) hoặc kiểm tra tính a xít bằng việc dùng thêm a xít Acetic (ASS) hoặc a xít Cupric (CASS).

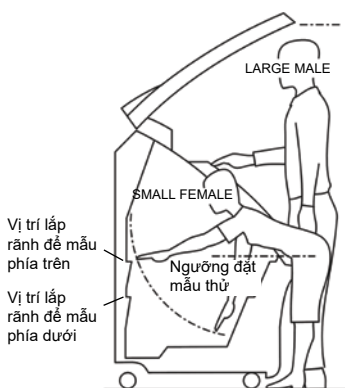
Model *Premium* có các tính năng cơ bản giống như model *Standard*, ngoài ra chúng còn được trang bị thêm các tính năng khác giúp thực hiện các bài kiểm tra có thể sửa đổi được như tiêu chuẩn ASTM G85. Với model, phun muối sẽ được đi kèm với một vài điều kiện môi trường khác nhau, với chu kỳ hai phần. Ví dụ phun muối và ngưng tụ độ ẩm (SWAAT) hoặc phun muối và sấy khô (PROHESION).



Buồng phun muối
Premium 120 lít



Buồng phun muối
Standard 1000 lít



Buồng phun muối kiểm tra ăn mòn

Hiệu suất

Dải nhiệt độ

Tỷ lệ mù muối

Chế độ làm ẩm (Chỉ dùng cho model Premium)

Chế độ sấy khô (Chỉ dùng cho model Premium)

Điều chỉnh từ nhiệt độ môi trường tới +50°C/+122°F

Điều chỉnh từ 0.5 tới 2.5 ml trên 80 cm²/ giờ

Điều chỉnh từ nhiệt độ môi trường tới +50°C/+122°F

Điều chỉnh từ nhiệt độ môi trường tới +50°C/+122°F

Đặc điểm

Model *Standard*

- Mở nắp dễ dàng bằng khí nén
- Màn hình điều khiển cảm ứng
- Rãnh đệm cao su giúp tránh ướt quần áo của người thao tác
- Mặt buồng được thiết kế thấp để dễ dàng xếp dỡ vật liệu
- Tự chọn màu nắp
- Nắp đậy trong suốt cho phép quan sát bằng mắt thường
- Tự động làm sạch bên trong buồng trước khi mở nắp
- Thùng chứa nước muối
- Bộ giá đặt mẫu

Model *Premium*

Models *Premium* bao gồm đầy đủ các đặc điểm của model *Standard*, ngoài ra chúng còn có thêm các đặc điểm sau:

- Giao diện màn hình điều khiển cảm ứng đa màu sắc, sử dụng các icon trực quan thuận tiện cho sử dụng và thực hiện chương trình
- Cổng kết nối RJ45 dùng để chạy chương trình quản lý điều khiển từ xa thông qua máy tính sử dụng phần mềm ACC120
- Trong thời gian thực, người dùng có thể cài đặt thời gian cho các mẫu khác nhau để theo dõi thời gian phơi nhiễm riêng cho từng mẫu, cùng với báo hiệu khi hoàn thành thời gian thử nghiệm đã cài đặt
- Hệ thống sưởi giúp ngưng tụ độ ẩm ở mức cao theo yêu cầu



Buồng phun muối
Premium 2000 lít



Buồng kiểm tra ăn mòn theo chu trình (CCT)

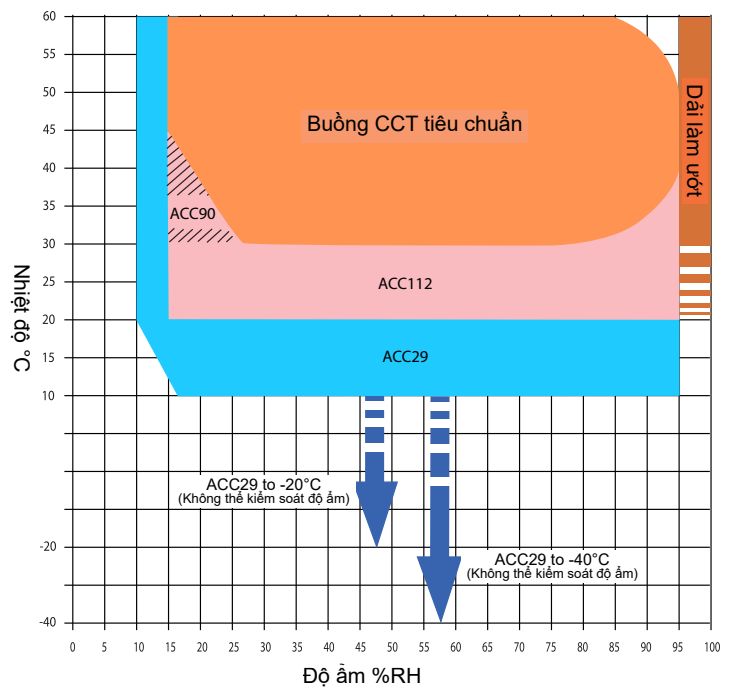
Buồng Ascott CCT được thiết kế đủ linh hoạt để thực hiện theo nhiều chu trình kiểm tra trong nhiều điều kiện khác nhau càng tốt. Thiết kế tiêu chuẩn đi kèm với khả năng tạo ra 4 môi trường khác biệt:

1. Phun muối
2. Ngưng tụ độ ẩm (chế độ làm ướt)
3. Làm khô

4. Kiểm soát độ ẩm

Chương trình được xây dựng để xuất hiện theo trình tự bất kỳ và lặp lại tự động. Với lượng lớn các loại phụ kiện tùy chọn, thiết bị có thể tạo thêm các điều kiện môi trường khác để tạo ra các môi trường kiểm tra mong muốn.

Đồ thị cho thấy phạm vi tiêu chuẩn kiểm soát nhiệt độ /độ ẩm cho một buồng CCT và cách thức để mở rộng phạm vi kiểm soát bằng cách thêm các phụ kiện tùy chọn.



Buồng CCT 1000 lít



Bảng điều khiển buồng CCT

Buồng kiểm tra ăn mòn theo chu trình (CCT)

Hiệu suất

Chế độ làm ướt	Dải nhiệt độ Dải độ ẩm	Điều chỉnh từ nhiệt độ môi trường tới +70°C/+158°F Cố định 95% - 100% RH
Chế độ phun muối	Dải nhiệt độ Tỷ lệ mù muối	Điều chỉnh từ nhiệt độ môi trường tới +50°C/+122°F Điều chỉnh từ 0.5 to 2.5 ml trên 80 cm ² trên giờ*
Chế độ làm khô	Dải nhiệt độ Dải độ ẩm	Điều chỉnh từ nhiệt độ môi trường tới +70°C/+158°F Không thể kiểm soát
Chế độ kiểm soát độ ẩm	Dải nhiệt độ/độ ẩm	Xem biểu đồ trang 6

* Phụ kiện ACC01 Tăng tỷ lệ mù muối lên tới 5.5 ml per 80 cm² per hour.

Đặc điểm

Các đặc điểm chung của buồng CCT:

- Mở nắp dễ dàng bằng khí nén
- Rãnh đệm cao su giúp tránh ướt quần áo của người thao tác
- Mặt buồng được thiết kế thấp để dễ dàng xếp dỡ vật liệu
- Lựa chọn màu nắp buồng
- Nắp đậy trong suốt cho phép quan sát bằng mắt thường (trừ yêu cầu phụ kiện buồng lạnh)
- Tự động làm sạch bên trong buồng trước khi mở nắp
- Bộ giá đặt mẫu và thùng chứa nước muối
- Giao diện màn hình điều khiển cảm ứng đa màu sắc, sử dụng các icon trực quan thuận tiện cho sử dụng và thực hiện chương trình
- Cổng kết nối RJ45 dùng để chạy chương trình quản lý điều khiển từ xa thông qua máy tính sử dụng phần mềm ACC120
- Trong thời gian thực, người dùng có thể cài đặt thời gian cho các mẫu khác nhau để theo dõi thời gian phơi nhiễm riêng cho từng mẫu, cùng với báo hiệu khi hoàn thành thời gian thử nghiệm đã cài đặt
- Bộ nhớ với dung lượng lớn cho phép lập trình và lưu trữ các chương trình kiểm tra nhiều bước và phức tạp, nhờ thế thiết bị có thể tiến hành nhiều bài kiểm tra khác nhau



Buồng CCT
2000 Lit

Buồng kiểm tra Atmosfär



Buồng Atmosfär được thiết kế đặc biệt cho phép kiểm tra hoàn toàn tự động theo các yêu cầu cao về kiểm tra ăn mòn đối với các phòng thí nghiệm gia tốc và đang trở nên nổi tiếng trong các ngành công nghiệp ô tô. Các bài kiểm tra tiến hành theo các chu trình tự nhiên và phù hợp kiểm soát quá trình tiếp xúc cũng như các điều kiện khác nhau về nhiệt độ và độ ẩm, thông qua phun muối trực tiếp lên mẫu thử từ các thanh phun đặt trên cao.

Kiểm tra bao gồm một số tiêu chuẩn:

- Ford CETP 00.00-L-467
- Volvo VCS 1027,149 (ACT-1)
- Volvo VCS 1027,1449 (ACT-2)
- Volvo STD 423-0014
- Volvo STD 1027,1375
- ISO 16701

Để tăng tính linh hoạt, buồng Atmosfär cũng có khả năng thực hiện các bài kiểm tra phun muối thông thường cũng như kiểm tra CCT phù hợp với lượng lớn các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành.



1 Dễ dàng tháo lắp đường ống dẫn khí.



2 Tháo bỏ bộ phận tán khí và thanh phun đơn giản.

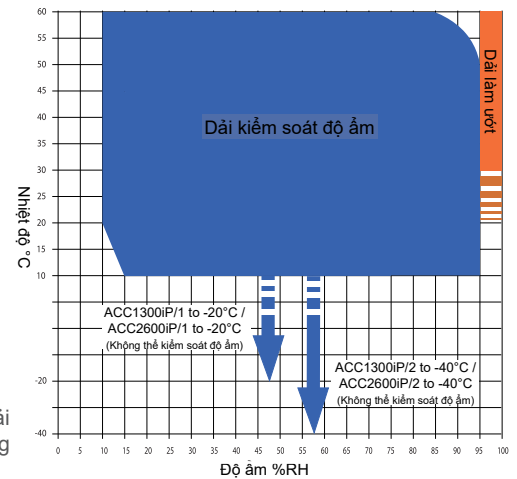


3 Buồng Atmosfär có thể thực hiện nhiều kiểu kiểm tra ăn mòn.

Buồng kiểm tra Atmosfär

Chất lượng

Chế độ làm ướt	Dải nhiệt độ Dải độ ẩm	Điều chỉnh từ nhiệt độ môi trường tới +70°C/+158°F Cố định 95% - 100% RH
Chế độ phun muối động	Dải nhiệt độ Tỷ lệ mù muối	Điều chỉnh từ nhiệt độ môi trường tới +50°C/+122°F Điều chỉnh từ 5 to 10 Lit/m ² trên giờ
Phun muối thông thường	Dải nhiệt độ Tỷ lệ mù muối	Điều chỉnh từ nhiệt độ môi trường tới +50°C/+122°F Điều chỉnh từ 0.5 to 2.5 ml trên 80 cm ² trên giờ
Chế độ làm khô	Dải nhiệt độ Dải độ ẩm	Điều chỉnh từ nhiệt độ môi trường tới +70°C/+158°F Không thể kiểm soát
Chế độ tạo khí hậu	Dải nhiệt độ/độ ẩm	Xem biểu đồ

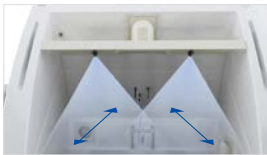


Biểu đồ dải hoạt động

Đặc điểm

Thanh phun kiểu rung động

Thanh phun được đặt ở vị trí cao trong buồng, vòi phun dao động theo hai hướng để chắc chắn là dung dịch muối được phun đều lên mẫu vật kiểm tra.



Thiết bị điều chỉnh không khí riêng biệt

Là sự kết hợp giữa hệ thống làm lạnh và hút ẩm cho phép mở rộng dải điều chỉnh nhiệt độ và độ ẩm (xuống tới mức -20°C/-4°F hoặc -40°C/-40°F tùy theo model) dưới sự kiểm soát của chương trình điều khiển.

Hệ thống thông gió tốc độ cao theo chiều dọc

Hệ thống thông gió tốc độ cao, bắt đầu từ thiết bị điều chỉnh không khí riêng biệt, đi theo chiều dọc qua mẫu thử, thường là từ trên xuống dưới trong suốt quá trình điều chỉnh khí hậu.



Thanh phun kiểu động kết hợp từ tính

Thiết bị này cho phép dễ dàng tháo bỏ thanh phun kiểu động ra khỏi buồng nếu cần tiến hành kiểm tra phun muối thông thường. Điều này tạo ra sự an toàn do không cần các đường trực trên thành buồng, không có nguy cơ rò rỉ dung dịch muối do các vòi phun bị che khuất.

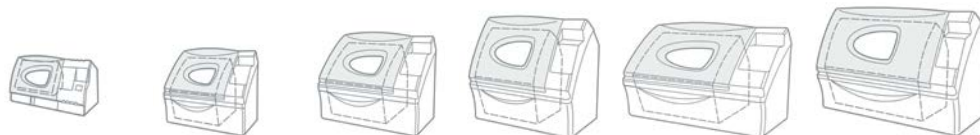
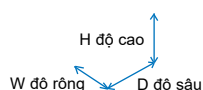
Bộ giá đỡ mẫu có thể tinh chỉnh

Có rất nhiều kích thước có thể chọn với độ dày thay đổi tối đa lên tới 6mm/0.25". Góc nghiêng theo chiều dọc có thể thay đổi tối đa 20° dựa trên độ dày của bộ giá. Bộ giá được thiết kế để giảm thiểu khả năng tụ ẩm trên bề mặt.



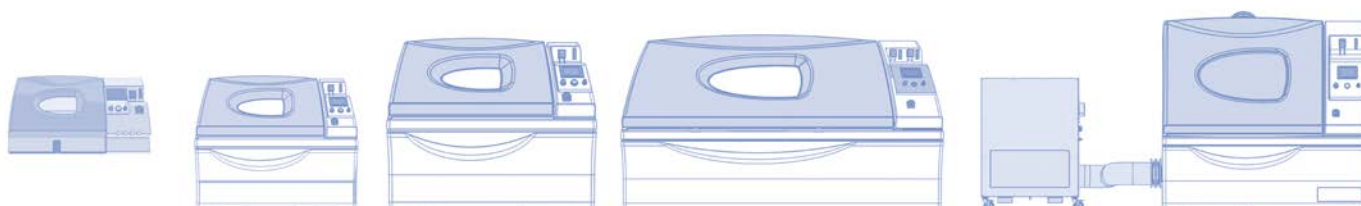
Đặc điểm kỹ thuật của buồng kiểm tra

Buồng phun muối và kiểm tra ăn mòn theo chu trình CCT



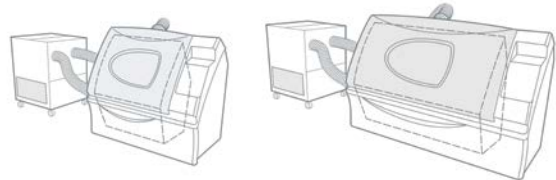
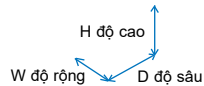
Product code:

Buồng phun muối <i>Standard</i>	S120iS	S450iS	S1000iS	S1300iS	S2000iS	S2600iS
Buồng phun muối <i>Premium</i>	S120iP	S450iP	S1000iP	S1300iP	S2000iP	S2600iP
Buồng kiểm tra ăn mòn theo chu trình	-	CC450iP	CC1000iP	CC1300iP	CC2000iP	CC2600iP
Dung tích buồng	120 Ltrs./4.2 cu.ft	450 Ltrs./15.8 cu.ft	1000 Ltrs./35.3 cu.ft	1300 Ltrs./45.9 cu.ft	2000 Ltrs./70.6 cu.ft	2600 Ltrs./91.8 cu.ft
Trọng lượng buồng (không bao gồm phụ kiện)	76 kg	190 kg	255 kg	285 kg	330 kg	355 kg
Kiểu đặt	Trên bàn	Trên sàn	Trên sàn	Trên sàn	Trên sàn	Trên sàn
Ngưỡng cao mặt buồng	280mm/11"	800mm/31.5"	800mm/31.5"	800mm/31.5"	800mm/31.5"	800mm/31.5"
Kích thước ngoài, max	W 1315mm/51.8" D 680mm/26.8" H 800mm/31.5"	1660mm/65.4" 840mm/33.1" 1510mm/59.5"	2025mm/80.0" 1145mm/45.0" 1720mm/67.5"	2025mm/80.0" 1156mm/45.5" 1906mm/75.0"	2885mm/113.6" 1145mm/45.0" 1720mm/67.5"	2885mm/113.6" 1156mm/45.5" 1906mm/75.0"
Kích thước trong, max	W 715mm/28.2" D 490mm/19.3" H 490mm/19.3"	1010mm/39.5" 640mm/25.0" 1140mm/45.0"	1300mm/51.2" 980mm/38.5" 1320mm/52.0"	1300mm/51.2" 980mm/38.5" 1528mm/60.2"	2160mm/85.0" 980mm/38.5" 1320mm/52.0"	2160mm/85.0" 980mm/38.5" 1528mm/60.2"
Kích thước buồng chứa dung dịch	W integral D integral H integral	460mm/18.1" 620mm/24.5" 675mm/26.6"	560mm/22.0" 620mm/24.5" 675mm/26.6"	560mm/22.0" 620mm/24.5" 675mm/26.6"	560mm/22.0" 620mm/24.5" 675mm/26.6"	560mm/22.0" 620mm/24.5" 675mm/26.6"
Dung tích buồng chứa dung dịch muối (Để mở rộng, xem phụ kiện ACC02)	40 Ltrs/10.5 US gal	80 Ltrs/21 US gal	115 Ltrs/30.4 US gal	115 Ltrs/30.4 US gal	115 Ltrs/30.4 US gal	115 Ltrs/30.4 US gal
Giá để mẫu có các rãnh mặt trên	4 racks each with 23 angled slots	6 racks each with 28 angled slots	8 racks each with 46 angled slots	8 racks each with 46 angled slots	16 racks each with 46 angled slots	16 racks each with 46 angled slots
	Each with 3mm (1/8") wide slots, angled at 15 degrees from vertical					
Chất liệu chế tạo buồng	Glass reinforced plastic, Polypropylene & PVC parts.					
Màu sắc	9 màu cơ bản.					
Nguồn điện	<i>Standard</i> salt spray models	1 phase	1 phase	1 phase	1 phase	1 phase
	<i>Premium</i> salt spray models	1 phase	1 phase	1 phase	1 phase	3 phase
	CCT models	-	3 phase	3 phase	3 phase	3 phase
	Điện áp và tần số được thiết kế theo từng nước					
Dung dịch	The air saturator, humidity generator and salt solution reservoir all require separate connections to a continuous, pressurized deionized/distilled water supply of 0.5–5.0 bar (7.3–73 psi).					
Không khí	Clean dry & oil free, 4.0 to 6.0 bar (58–87psi) with 240 Ltrs (8.5cu.ft) per minute flow.					
Ống thải	3m ống để đưa không khí ra khỏi tòa nhà					
Ống dẫn	3m ống để nối lên trần nhà					
Điều kiện sử dụng	Trong nhà, nhiệt độ từ +18 tới +23°C (+64 to 73°F), độ ẩm 85% RH không ngưng tụ					



Đặc điểm kỹ thuật của buồng kiểm tra

Buồng kiểm tra Atmosfär



Buồng kiểm tra Atmosfär		Product code:AT1300iP/1	AT1300iP/2	AT2600iP/1	AT2600iP/2
Nhiệt độ tối thiểu có thể điều chỉnh		-20°C/-4°F	-40°C/-40°F	-20°C/-4°F	-40°C/-40°F
Dung tích của buồng		1300 Ltrs	1300 Ltrs	2600 Ltrs	2600 Ltrs
Trọng lượng buồng (không bao gồm phụ kiện)		340 kg	340 kg	440 kg	440kg
Kiểu đặt		Trên sàn	Trên sàn	Trên sàn	Trên sàn
Ngưỡng cao mặt buồng		800mm/31.5"	800mm/31.5"	800mm/31.5"	800mm/31.5"
Kích thước ngoài, max		W 2025mm/80.0" D 1316mm/51.8" H 1965mm/77.4"	W 2025mm/80.0" D 1316mm/51.8" H 1965mm/77.4"	W 2885mm/113.6" D 1316mm/51.8" H 1965mm/77.4"	W 2885mm/113.6" D 1316mm/51.8" H 1965mm/77.4"
Kích thước trong, max		W 1300mm/51.2" D 980mm/38.5" H 1500mm/59.0"	W 1300mm/51.2" D 980mm/38.5" H 1500mm/59.0"	W 2160mm/85.0" D 980mm/38.5" H 1500mm/59.0"	W 2160mm/85.0" D 980mm/38.5" H 1500mm/59.0"
Thiết bị làm lạnh		W 1510mm/59.4" D 1550mm/60.0" H 1055mm/41.5"	W 1510mm/59.4" D 1550mm/60.0" H 1055mm/41.5"	W 1510mm/59.4" D 1550mm/60.0" H 1055mm/41.5"	W 1510mm/59.4" D 1550mm/60.0" H 1055mm/41.5"
Kích thước buồng chứa dung dịch muối 115 Ltrs		W 560mm/22.0" D 620mm/24.5" H 675mm/26.6"	W 560mm/22.0" D 620mm/24.5" H 675mm/26.6"	W 560mm/22.0" D 620mm/24.5" H 675mm/26.6"	W 560mm/22.0" D 620mm/24.5" H 675mm/26.6"
Kích thước buồng chứa dung dịch muối 160 Ltrs		W 840mm/34.0" D 500mm/19.7" H 790mm/31.1"	W 840mm/34.0" D 500mm/19.7" H 790mm/31.1"	W 840mm/34.0" D 500mm/19.7" H 790mm/31.1"	W 840mm/34.0" D 500mm/19.7" H 790mm/31.1"
Giá để mẫu có các rãnh mặt trên		1 set of 8 racks each with 24 slots	1 set of 8 racks each with 24 slots	1 set of 16 racks each with 24 slots	1 set of 16 racks each with 24 slots
Chất liệu chế tạo buồng		Each with variable width slots (up to 6mm/0.25") & variable angle (up to 20° from vertical) & carrying handle.			
Màu sắc		Glass reinforced plastic, Polypropylene & PVC parts.			
Nguồn điện		9 màu cơ bản			
Dung dịch		Yêu cầu 2 nguồn cấp điện 3 pha dùng cho buồng và các thiết bị điều hòa không khí riêng biệt. Điện áp và tần số được thiết kế theo khu vực/ quốc gia			
Không khí		The air saturator, humidity generator and salt solution reservoir all require separate connections to a continuous, pressurized deionized/distilled water supply of 0.5–5.0 bar.			
Ống thải		Clean dry & oil free compressed air, 4.0 to 6.0 bar with 240 Ltrs per minute flow. Two separate supplies are required, one for the chamber and one for the separate salt solution reservoir.			
Drain		3m ống để đưa không khí ra khỏi tòa nhà			
Điều kiện sử dụng		3m ống để nối lên trần nhà			
		Trong nhà, nhiệt độ từ +18 tới +23°C (+64 to 73°F), độ ẩm 85% RH không ngưng tụ			

Phụ Kiện Tùy Chọn

Phụ kiện tùy chọn dựa trên một số tiêu chuẩn trong kiểm tra CCT

- Buồng phun muối Standard
- Buồng phun muối Premium
- Buồng kiểm tra ăn mòn theo chu trình
- Buồng Atmosfär

- F Chỉ dành cho nhà máy
- A Thiết bị có sẵn

□ Có sẵn nhiều chủng loại với kích cỡ và cấu hình khác nhau tùy theo yêu cầu.













◆ Các phụ kiện đặt riêng bên ngoài yêu cầu không gian phù hợp để lắp đặt và kết nối với buồng hoặc các thiết bị khác. Chi tiết dựa theo yêu cầu.

Tiêu chuẩn	Mã sản phẩm	Mô tả kỹ thuật	Ghi chú
Kiểm tra theo tiêu chuẩn Renault D17 2028 (ECC-1) Kiểm soát môi trường Điều chỉnh tới 0°C/32°F Điều chỉnh tới -20°C/-4°F Điều chỉnh tới -40°C/-40°F	ACC01/bao gồm ● F ◆ ACC01/1 ACC01/2 ACC01/3 ACC01/4	Một bộ phụ kiện cần thiết để đáp ứng tiêu chuẩn ECC-1. Bao gồm ACC80/2 và ACC90/2 Bao gồm ACC112/2 và ACC112/INT/2 Bao gồm ACC29/3 (-20°C/-4°F) và ACC29/INT/2 Bao gồm ACC29/4(-40°C/-40°F) và ACC29/INT/2	Chỉ thích hợp cho buồng 1000 Lit Không sử dụng cùng ACC46. Phụ kiện này sẽ tỏa nhiệt, cần lưu ý trong khi lắp đặt
Phụ kiện kết nối với ACC90	ACC80/bao gồm ● F ACC80/1 ACC80/2 ACC80/3 ACC80/4 ACC80/5	Dùng cho kết nối với thiết bị khử ẩm ACC90 (đặt hàng riêng). Cho buồng 450 Lit Cho buồng 1000 Lit Cho buồng 1300 Lit Cho buồng 2000 Lit Cho buồng 2600 Lit	
Mở rộng dải kiểm soát ẩm dưới điều kiện môi trường	ACC90/bao gồm ● A ◆ ACC90/1 ACC90/2 ACC90/3	Thiết bị khử ẩm cho phép kiểm soát độ ẩm, xem biểu đồ trang 6. Cho buồng 450 Lit Cho buồng 1000/1300 Lit Cho buồng 2000/2600 Lit	Yêu cầu buồng đã trang bị ACC80.
Interface for ACC112	ACC112/INT/bao gồm ● F ACC112/INT/1 ACC112/INT/2 ACC112/INT/3 ACC112/INT/4 ACC112/INT/5	Dùng cho kết nối với thiết bị khử ẩm ACC112 (đặt hàng riêng). Cho buồng 450 Lit Cho buồng 1000 Lit Cho buồng 1300 Lit Cho buồng 2000 Lit Cho buồng 2600 Lit	
Mở rộng dải kiểm soát ẩm và nhiệt độ dưới điều kiện môi trường	ACC112/bao gồm ● A ◆ ACC112/1 ACC112/2 ACC112/3	Đây là thiết bị kiểm soát môi trường loại trung dạng đứng, cho phép kiểm soát khí hậu để tạo ra các môi trường trong buồng nhỏ hơn điều kiện môi trường trong phòng. Xem biểu đồ trang 6. For 450 Ltr chamber For 1000/1300 Ltr chambers For 2000/2600 Ltr chambers	Phụ kiện có tỏa nhiệt, cần lưu ý khi lắp đặt. Yêu cầu buồng đã trang bị ACC112/INT.
Phụ kiện kết nối với ACC29	ACC29/INT/bao gồm ● F ACC29/INT/1 ACC29/INT/2 ACC29/INT/3 ACC29/INT/4 ACC29/INT/5	Dùng cho kết nối với thiết bị kiểm soát không khí ACC29 (đặt hàng riêng). Cho buồng 450 Lit Cho buồng 1000 Lit Cho buồng 1300 Lit Cho buồng 2000 Lit Cho buồng 2600 Lit	Buồng sử dụng phụ kiện này sẽ không có nắp đậy nhìn xuyên.
Mở rộng dải kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm dưới mức đồng	ACC29/bao gồm ● A ◆ ACC29/1 ACC29/2 ACC29/3 ACC29/4 ACC29/5 ACC29/6	Đây là thiết bị điều chỉnh không khí kiểu đứng để mở rộng dải kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm. Xem biểu đồ trang 6. Cho buồng 450 Lit -20°C/-4°F Cho buồng 450 Lit -40°C/-40°F Cho buồng 1000 - 1300 Lit -20°C/-4°F Cho buồng 1000 - 1300 Lit -40°C/-40°F Cho buồng 2000 - 2600 Lit -20°C/-4°F Cho buồng 2000 - 2600 Lit -40°C/-40°F	Xem biểu đồ trang 6. Phụ kiện có tỏa nhiệt, cần lưu ý khi lắp đặt. Yêu cầu buồng có trang bị ACC29/INT.
Kiểm tra theo chuẩn SAEJ2334 và một số bài kiểm tra GM	ACC30 □ ● F ◆	Vòi phun dung dịch muối trực tiếp lên mẫu vật cùng với một thùng chứa dung dịch muối tại nhiệt độ môi trường.	
Kiểm tra yêu cầu độ ẩm hơi nước dưới dạng sương	ACC32 □ ● F ◆	Tạo độ ẩm cao 95-100% RH nhờ thực hiện phun nước dưới dạng sương. Bao gồm thùng chứa nước để phun, thiết bị tạo sương và các phụ kiện đi kèm.	
Phụ kiện kết nối với ACC34	ACC34/INT □ ● F	Dùng để kết nối với thiết bị tạo môi trường ngâm dung dịch ACC34(đặt hàng riêng).	Không tương thích với ACC46 hoặc ACC10/110.
Kiểm tra yêu cầu ngâm trong dung dịch	ACC34 □ ● A ◆	Tự động ngâm mẫu thử ở vị trí thấp trong buồng với nước muối có thể điều chỉnh nhiệt độ lên tới +50°C/+122°F.	Yêu cầu buồng có trang bị ACC34/INT.
Kiểm tra yêu cầu làm sạch các mặt buồng	ACC42 □ ● F	Bao gồm dàn phun nước tự động làm sạch mặt trong của buồng. Thời gian làm sạch do người sử dụng cài đặt.	
Kiểm tra theo ASTM G85 phụ lục A4	ACC46 □ ● F	Phụ kiện bao gồm ống phân tán gắn bởi buồng cho phép khí SO2 đi qua với lưu lượng được điều chỉnh bởi người dùng trong quá trình kiểm tra.	Yêu cầu phải có đường cấp khí SO2 và đầu nối. Không tương thích với ACC01, ACC10, ACC20, ACC34/INT và ACC92.
Kiểm tra với các dung dịch muối khác nhau	ACC86 □ ● F ◆	Cho phép tạo ra các điều kiện phun muối khác nhau được lập trình riêng xảy ra trong bài kiểm tra bất kỳ.	Có thêm buồng chứa dung dịch muối, đầu phun...



Phụ Kiện Tùy Chọn

Phụ kiện tùy chọn mở rộng

Phụ kiện	Mã sản phẩm	Mô tả kỹ thuật	Ghi chú
 	Thêm thùng chứa dung dịch muối ACC02/ bao gồm ACC02/1 ACC02/2 ACC02/3	Nắp trong suốt nhìn xuyên được bằng mắt thường, di chuyển bằng bánh xe. Loại dung tích 80 Ltr/21 US gal Loại dung tích 115 Ltr/30 US gal Loại dung tích 160 Ltr/42 US gal	
	Máy nén khí ACC04	Cung cấp liên tục khí nén không dầu thay cho đường dẫn khí trực tiếp nếu không có sẵn.	
 	Máy khử ion ACC06/ bao gồm ACC06/1 ACC06/2 ACC06/3	Cung cấp nước có độ tinh khiết cao cho các hoạt động của buồng. Loại model nhỏ Loại model vừa Loại model lớn	Phải thay thế khi hết hạn dùng.
 	Máng nước thải ACC20	Được đặt ở sàn buồng tại vị trí kết nối ACC20 với buồng bị tháo rời. Khi đầy, nước thải sẽ tự động được bơm qua ống dẫn có kích thước 10m/32ft theo chiều ngang và 3m/10ft theo chiều dọc.	Không tương thích với phụ kiện ACC46.
 	Xe đẩy ACC24	Dùng để đặt loại model 120 Lit để tiện cho việc di chuyển. Bánh xe có khóa. Có sẵn vị trí để đặt ACC02 hoặc thùng đựng dung dịch (Đặt hàng riêng).	Chỉ dùng cho buồng 120 Lit.
 	Bộ lọc muối khi xả ACC92/ bao gồm ACC92/1 ACC92/2 ACC92/3 ACC92/4	Loại bỏ bột sương muối có độ ăn mòn cao thoát ra từ buồng thông qua ống xả ở những chỗ không thể thổi bay ra khỏi tòa nhà. Không tuần hoàn – dùng toàn bộ nước để ngưng tụ sương muối cho buồng phun muối. Không tuần hoàn – dùng toàn bộ nước để ngưng tụ sương muối cho buồng CCT. Tuần hoàn – tiết kiệm nước dùng để ngưng tụ sương muối để tránh lãng phí cho buồng phun muối. Tuần hoàn – tiết kiệm nước dùng để ngưng tụ sương muối để tránh lãng phí cho buồng CCT.	Không tương thích với phụ kiện ACC46.
	Bộ sục khí cho dung dịch muối ACC96	Sử dụng khí nén để hòa tan muối trong buồng chứa dung dịch muối để tạo hỗn hợp dung dịch hòa tan hoàn toàn.	Không dùng cho loại 120 Lit Chỉ dùng với ACC02.

Phụ kiện tùy chọn dùng để đo và ghi dữ liệu

Phụ kiện	Mã sản phẩm	Mô tả kỹ thuật	Ghi chú
	Thiết bị đo H cầm tay ACC11	Đây là dụng cụ dùng để đo nồng độ pH của dung dịch muối với thang đo 0-14 pH và độ phân giải 0.01 pH.	
	Đầu dò cầm tay để kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm ACC28	Đây là dụng cụ dùng để kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm trong buồng. Dải đo: -40 + +85°C và 0 + 100%RH.	Yêu cầu cổng kết nối (xem ACC10).
	Bộ nhận tín hiệu cho nhiệt độ và độ ẩm ACC36	Dụng cụ này nhận tín hiệu nhiệt độ và độ ẩm từ buồng dưới dạng tín hiệu 2 x 0-10VDC thông qua lỗ cắm ngoài, dùng để ghi dữ liệu từ xa.	
	Thiết bị vẽ biểu đồ ACC40/ bao gồm ACC40/1 ACC40/2	Thiết bị vẽ biểu đồ, đi cùng với cảm biến nhiệt độ và độ ẩm dùng để ghi lại thông số của buồng. Dữ liệu có thể được lưu trong USB hoặc trong máy tính thông qua phần mềm chuyên dụng (xem phụ kiện ACC41). Loại 2 bút Loại 12 bút	Thiết bị có thể tách riêng khỏi model 120 Lit hoặc gắn vào buồng cho các model khác.
	Phần mềm dùng cho thiết bị vẽ biểu đồ ACC41	Phần mềm cho phép ghi và lưu lại dữ liệu cho nhiệt độ và độ ẩm của buồng.	Yêu cầu có sẵn máy tính.
	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ ACC50	Bộ ghi nhiệt gắn trên buồng sử dụng nguồn pin. Thiết bị cho phép đo nhiệt độ không khí trong buồng liên tục. Dữ liệu có thể chuyển qua máy tính nhờ phần mềm (đã có sẵn).	
	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ và độ ẩm ACC52	Là bộ ghi cầm tay để theo dõi nhiệt độ và độ ẩm của buồng thông qua cảm biến kết hợp nhiệt độ/độ ẩm.	Yêu cầu cổng kết nối (xem ACC10).
	Báo động mức dung dịch thấp dùng cho thùng chứa dung dịch muối ACC70	Cảnh báo mức dung dịch muối đòi hỏi phải đủ cho thử nghiệm trong 18 giờ với tốc độ tối thiểu 1-2ml/giờ. Báo động cảnh báo âm thanh và hiển thị tín hiệu.	
	Thiết bị khúc xạ kế đo độ mặn ACC100	Nhỏ dung dịch muối lên bề mặt của thiết bị, giá trị độ mặn sẽ được đo và hiển thị dưới dạng % trong dải 0 – 28%.	
	Cảm biến đo lượng dung dịch muối tiêu hao ACC102	Tùy chọn này bao gồm một cảm biến đo lưu lượng chất lỏng để đo lượng dung dịch chảy từ thùng chứa dung dịch muối tới đầu phun muối. Dữ liệu đầu ra được hiển thị lượng tiêu thụ tức thời tính theo ml trên phút và tổng lượng tiêu thụ tính theo ml.	
	Bộ dụng cụ đo lượng dung dịch đầu ra ACC108	Gồm 4 ống đong 100ml và phễu kèm theo 4 x 100mm, dùng cho việc thu thập và đo mù muối được ngưng tụ bên trong buồng thử nghiệm trong quá trình phun.	

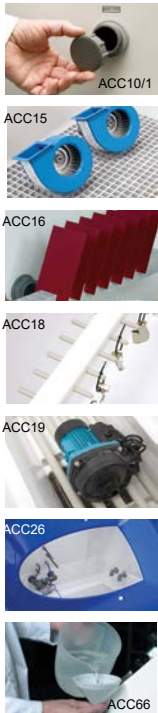
Phụ Kiện Tùy Chọn

Phụ kiện tùy chọn cho chức năng tự động



Phụ kiện	Mã sản phẩm	Mô tả kỹ thuật	Ghi chú
Thẻ SIM	ACC114 ● ● ● F	Thẻ nhớ SIM, được gắn trong buồng, cho phép cấu hình lại hệ thống thông qua tin nhắn SMS khi có tín hiệu cảnh báo.	Không phải loại SIM thẻ thông thường.
Electronic Catchpots®	ACC116 ● ● ● A	Phụ kiện dùng để đo và thu thập giá trị độ mù muối khi tiến hành kiểm tra, có thể hiển thị dưới dạng bị động ml/giờ hoặc điều khiển lượng phun muối tự động. Số lượng tối đa theo buồng: 2 bộ cho loại 120 tới 1300L 4 bộ cho buồng 2000 và 2600L.	Đặt hàng riêng
Phần mềm đăng nhập	ACC120 ● ● ● A	Khi trang bị máy tính với kết nối mạng 'Kiểu C', cho phép nhập các biến giá trị của buồng như nhiệt độ, độ ẩm và xây dựng chương trình hoạt động cho buồng.	Phải cài đặt trên máy tính phù hợp (không cung cấp sẵn).

Phụ kiện bổ sung cho buồng



Phụ kiện	Mã sản phẩm	Mô tả kỹ thuật	Ghi chú
Cổng kết nối ngoại vi	ACC10/ bao gồm ● ● ● F ACC10/1 ACC10/2	Là cổng được khóa kín nằm bên trái thành buồng cho phép kết nối buồng với các thiết bị mở rộng. 35mm/1.37" đường kính 110mm/4.33" diameter (xem ghi chú)	Không tương thích với ACC46. ACC10/2 không dùng cho buồng 120 Lit hoặc buồng Atmosfär hoặc ACC34/INT.
Giá để mẫu với góc rãnh tùy chọn	ACC14 □ ● ● ● A	Đầy là các tấm đặt mẫu thử với nhiều độ dày khác nhau, tối đa lên tới 6mm/0.25". Góc nghiêng của các rãnh có thể thay đổi theo phương thẳng đứng tới 20° tùy theo độ dày.	Đa số các giá để mẫu không có sẵn cho buồng 120 Lit.
Giá để mẫu kiểu lưới	ACC15 □ ● ● ● A	Dùng cho kiểm tra các mẫu vật nhỏ. Các giá này được đặt trên thành bên trong buồng.	Không có sẵn giá đặt ở ngưỡng thấp cho loại buồng 120 Lit
Giá để mẫu với góc rãnh cố định	ACC16 □ ● ● ● A	Mỗi một vị trí có độ rộng 3mm/1/8" với góc rãnh cố định 15° theo phương thẳng đứng. Được dùng cho các mẫu tiêu chuẩn dạng tấm hoặc phiến.	Không có sẵn giá đặt ở ngưỡng thấp cho loại buồng 120 Lit
Giá để mẫu dạng thanh treo	ACC17 □ ● ● ● A	Dùng để treo các mẫu nhỏ ở mặt dưới hoặc hỗ trợ đặt các mẫu lớn ở bên trên.	Không có sẵn giá đặt ở ngưỡng thấp cho loại buồng 120 Lit
Giá để mẫu có móc treo	ACC18 □ ● ● ● A	Dùng để treo các mẫu có đường kính 10mm/0.4" với mẫu treo dài 55mm/2", cách đều nhau và nhô ra từ cả hai phía.	Không có sẵn giá đặt ở ngưỡng thấp cho loại buồng 120 Lit
Tấm sàn chịu lực	ACC19 □ ● ● ● A	Tấm lót trên sàn có thể tháo rời, tạo ra bề mặt ngang trong buồng để giúp đặt các mẫu lớn và nặng.	Chỉ đặt vừa cho buồng Atmosfär nếu đã tháo ống thu khí.
Đèn chiếu sáng	ACC26 □ ● ● ● F	Đèn huỳnh quang đặt trong buồng để chiếu sáng thông qua bộ điều khiển.	Không tương thích với ACC29/INT.
Bổ sung cho bình bão hòa	ACC66 ● ● ● F	Cho phép làm đầy và bổ sung nước bằng tay thay vì hoàn toàn tự động (chế độ chuẩn).	Mở rộng kích thước đường vào 75mm/3".
Tấm cách nhiệt cho vòm cửa	ACC82 □ ● ● ● A	Là tấm cách nhiệt có thể tháo rời phù hợp với kích thước của vòm. Phụ kiện này giúp làm giảm độ ngưng tụ trong quá trình kiểm tra và tăng hiệu suất nhiệt.	
Đầu nối khí nén	ACC94 ● ● ● F	Được gắn vào bảng điều khiển, có thể tháo lắp nhanh để kết nối với đồng hồ đo áp dụng cho kiểm tra và hiệu chỉnh lại đồng hồ đo áp của buồng.	
Bộ tối ưu hóa dòng phun	ACC106 ● ● ● A	Gồm đầu đo dòng khí và bộ chuyển đổi cho phép tối ưu hóa dòng được phun ra.	
Nắp đậy mở theo chiều dọc	ACC110 □ ● ● ● F	Được thiết kế đặc biệt cho phép mở theo chiều dọc để hỗ trợ đặt các mẫu to và nặng.	

Bộ dụng cụ tiêu hao



Phụ kiện	Mã sản phẩm	Mô tả kỹ thuật	Ghi chú
Bộ dụng cụ tiêu hao cho 1 năm	ACC12/1 ● ● ● A	Bộ dụng cụ tiêu hao sử dụng trong 1 năm.	
Bộ dụng cụ tiêu hao cho 3 năm	ACC12/2 ● ● ● A	Bao gồm các dụng cụ dùng để bảo trì, sửa chữa trong vòng 3 năm kể từ lần đầu tiên sử dụng hoặc lần bảo trì gần nhất.	
Bộ dụng cụ tiêu hao cho 6 năm	ACC12/3 ● ● ● A	Bao gồm các dụng cụ dùng để bảo trì, sửa chữa trong vòng 6 năm kể từ lần đầu tiên sử dụng hoặc lần bảo trì gần nhất.	

Corro-Salt[®] Muối Corro-Salt dùng cho kiểm tra phun muối

- Muối có độ tinh khiết cực cao dùng cho các kiểm tra qua trọng
- Dùng cho các bài kiểm tra đáp ứng tiêu chuẩn ASTM B117
- Có sẵn túi đựng 25 kg
- Thùng chứa 25 kg được cấp đi kèm với 1 muỗng riêng để bảo đảm độ tinh khiết khi sử dụng

Thực tế thì muối là dạng hợp chất, ngay cả NaCl tinh khiết cũng rất khó để tạo ra. Những điều này đều do khả năng hút ẩm của muối, khiến cho chúng bị đông cứng lại kể cả các loại muối hạt được tăng cường khả năng chống ẩm. Tuy nhiên trong nhiều tiêu chuẩn kiểm tra liên quan tới phun muối, các tạp chất được bổ sung vào trong muối đều bị nghiêm cấm.

Ví dụ, tiêu chuẩn phổ biến ASTM B117, nghiêm cấm việc cho thêm các phụ gia để tăng tính năng chống đông với các yêu cầu như sau: tổng tạp chất < 0.3%, halogen không bao gồm clorua < 0.1%, lượng đồng < 0.3ppm – vì vậy muối phải rất tinh khiết với giới hạn mức độ đồng cực thấp. Các tiêu chuẩn thử nghiệm của các nước và quốc tế dựa theo tiêu chí kỹ thuật của riêng từng nước.

Để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt nhất, chúng tôi công ty Ascott đã tự chế tạo Corro-Salt trong phòng thí nghiệm và được công nhận bởi UKAS.

*UKAS = United Kingdom Accreditation Service.



Đặc điểm

Phân tích cơ bản

Tổng lượng tạp chất	< 0.1 %
Bromide	< 0.01 %
Fluoride	< 0.01 %
Iodide	< 0.01 %
Copper	< 0.3 ppm

Thông tin sản phẩm

Mã sản phẩm

SALA530

SALA500

Đặc điểm

thùng đựng 25 kg với muỗng

bao đựng 25 kg

Liên hệ để đặt
mua Corro-Salt

1 Ascott Shop website
www.ascottshop.com



2 By email:
sales@ascott-analytical.com

3 By telephone:
+44 (0) 1827 318040



Ascott Worldwide

Ascott are represented worldwide by a network of authorized distributors/agents, who have been fully trained in all aspects of our products, including technical support and maintenance. Please contact us for further details.

All Ascott chambers are  marked.

Catchpots® is a trademark of Ascott Analytical Equipment Limited

Prohesion® is a trademark of Croda Mebon Ltd

It is the policy of Ascott Analytical Equipment Ltd to protect its products by means of patents, registered trademarks and registered designs. The information contained herein was correct at time of going to press and is subject to change without notice.

© 2014 Ascott Analytical Equipment Ltd

Issue A

Văn phòng đại diện/supplier

ascott

North American Office

Ascott Analytical Equipment
37000 Plymouth Road
Livonia, MI 48150, USA
phone: +1 248-306-0394
fax: +1 248-306-0396
email: info@ascott-analytical.com
web: www.ascott-analytical.com

European Office

Ascott Analytical Equipment Limited
Unit 6 Gerard, Lichfield Road Industrial Estate
Tamworth, Staffordshire, B79 7UW, Great Britain
phone: +44 (0) 1827 318040
fax: +44 (0) 1827 318049
email: info@ascott-analytical.com
web: www.ascott-analytical.co.uk